

CTY CP THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/CBTT.2017

V/v: Công bố thông tin BCTC soát xét bán
niên 2017 của CPC

Cần Thơ, ngày 11 tháng 08 năm 2017

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: CÔNG TY CP THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
2. Mã chứng khoán: CPC
3. Địa chỉ trụ sở chính: Km 14 quốc lộ 91 phường Phước Thới quận Ô Môn thành phố Cần Thơ
4. Điện thoại: 02923 861770 Fax: 02923 861798
5. Người công bố thông tin: NGUYỄN VĂN TRUNG
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính soát xét bán niên 2017 của CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ được lập ngày 11 tháng 08 năm 2017 bao gồm BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Công văn giải trình về việc Lợi nhuận chênh lệch vượt 10% so với cùng kỳ năm trước.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính:
www.tstcantho.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu:...

TM.CTY CP THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ



Nguyễn Văn Trung

CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TOÁN



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ

CANTHO PESTICIDES JOINT-STOCK COMPANY (CPC)

ISO 9001:2008 - ISO 14001 : 2004
Production lines certified

Km 14, Quốc lộ 91
Phước Thới, Ô Môn, Cần Thơ
Tel: (84-710) 3861770 Fax: (84-710) 3861798
Email: admin@tstcantho.com.vn
Website: www.tstcantho.com.vn

CTY CP THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 61.../CBTT.2017

V/v: CPC giải trình việc LNTT soát xét bán
niên 2017 chênh lệch hơn 10% cùng kỳ

Cần Thơ, ngày 11 tháng 08 năm 2017

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

**CPC GIẢI TRÌNH CÁC NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN
LỢI NHUẬN CHÊNH LỆCH HƠN 10% CÙNG KỲ**

Lợi nhuận trước thuế của CPC soát xét bán niên 2017 đã đạt hơn 10,47 tỷ đồng nên đã tăng khoảng +24,67% so với cùng kỳ năm 2016.

Nay CPC xin trình bày các lý do cơ bản làm lợi nhuận tăng lên như sau:

1. Doanh thu bán hàng bán niên 2017 của CPC đã đạt được hơn 139 tỷ đồng tức tăng +43,60% so với cùng kỳ năm trước. Điều này đã góp phần làm cho lợi nhuận bán niên 2017 cao hơn so với cùng kỳ năm trước.
2. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ bán niên 2017 tăng +37,06% dẫn đến lợi nhuận tăng cao so với cùng kỳ.

Đối phó với tình hình cạnh tranh hiện nay rất khốc liệt, Công ty chúng tôi sẽ ra sức tiết kiệm chi phí và tận dụng mọi nguồn lực để phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra cho năm 2017.

TM.CTY CP THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TOÁN

Nguyễn Văn Trung



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ

CANTHO PESTICIDES JOINT-STOCK COMPANY (CPC)

ISO 9001:2008 - ISO 14001 : 2004

Production lines certified

Km 14, Quốc lộ 91

Phước Thới, Ô Môn, Cần Thơ

Tel: (84-710) 3861770 Fax: (84-710) 3861798

Email: admin@tstcantho.com.vn

Website: www.tstcantho.com.vn

CTY CP THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 62.../CBTT.2017

V/v: CPC giải trình việc 1 số chỉ tiêu soát xét bán niên 2017 chênh lệch hơn 5% cùng kỳ 6 tháng

Cần Thơ, ngày 11 tháng 08 năm 2017

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

**CPC GIẢI TRÌNH CÁC LÝ DO DẪN ĐẾN
MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÊNH LỆCH HƠN 5% CÙNG KỲ**

So với báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017, một số chỉ tiêu của báo cáo tài chính bán niên soát xét có chênh lệch hơn 5%

Nay CPC xin trình bày các lý do cơ bản có sự chênh lệch như sau:

1. Doanh thu hoạt động tài chính bán niên soát xét 2017 của CPC là 1.090.227.273 đồng lệch 6,04% so với 6 tháng. Nguyên nhân là do chênh lệch tỷ giá.
2. Chi phí tài chính bán niên soát xét 2017 của CPC là 978.038.790 đồng lệch 6,78% so với 6 tháng. Nguyên nhân là do chênh lệch tỷ giá.
3. Lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh bán niên 2017 là 10.858.159.559 lệch 7,86% so với 6 tháng. Nguyên nhân là do điều chỉnh giảm một số chi phí sản xuất.
4. Chi phí khác bán niên 2017 là 407.474.691 đồng lệch 2.016,84% so với 6 tháng. Nguyên nhân là tăng chi phí về vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực nông nghiệp.
5. Lợi nhuận khác bán niên 2017 là 383.271.096 đồng lệch 9.159,08% so với 6 tháng. Nguyên nhân là do chi phí khác bán niên 2017 tăng so với 6 tháng.

Kính chúc sức khỏe và thành đạt.

TM.CTY CP THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ



Nguyễn Văn Trung



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

PKF

Accountants &
business advisers

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG
CẦN THƠ**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG
CẦN THƠ**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 – 34

344
ÔN
NHIỆ
M
VIỆ
TP.1

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ được thành lập theo Quyết định số 1462/QĐ-CT.UB ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cần Thơ (nay là Ủy Ban Nhân Dân thành phố Cần Thơ). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800457478, đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 5 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 18 tháng 6 năm 2012.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 43.030.500.000VND, cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là CPC, ngày giao dịch đầu tiên là ngày 18 tháng 1 năm 2010.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
- Điện thoại : 02923.861.770
- Fax : 02923.861.798

Công ty đã làm thủ tục thành lập chi nhánh tại Campuchia nhưng nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là đăng ký các tên thuốc và giữ hình thức hạch toán báo sổ về Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học và hóa chất các loại;
- Nhập khẩu, kinh doanh phân bón, máy móc thiết bị, dụng cụ sản xuất nông nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh thuốc và hóa chất dùng trong môi trường nuôi trồng thủy sản. Sản xuất kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản. Sản xuất kinh doanh thủy sản làm giống, chất bổ sung cho thức ăn và thức ăn chăn nuôi cho nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến thủy hải sản xuất khẩu;
- Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, hóa chất phục vụ nông nghiệp.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Trung	Chủ tịch
Ông Phan Văn Mưa	Thành viên
Ông Phan Đăng Trúc	Thành viên
Ông Võ Viết Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/04/2017)
Ông Bùi Anh Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/04/2017)

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Thái	Trưởng ban kiểm soát
Ông Dương Minh Thành	Thành viên
Ông Hồ Văn Hỷ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Trung	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc

998
TY
HƯ
DÁI
NA
5C

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Trung	Chủ tịch hội đồng quản trị

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

C.T.Đ.
HẠN
LI MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Ông NGUYỄN VĂN TRUNG
Chủ tịch

TP. Cần Thơ, ngày 11 tháng 8 năm 2017

N.H.H.



Số: 140/2017/BCSX-HCM.00632

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 8 năm 2017, từ trang 5 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

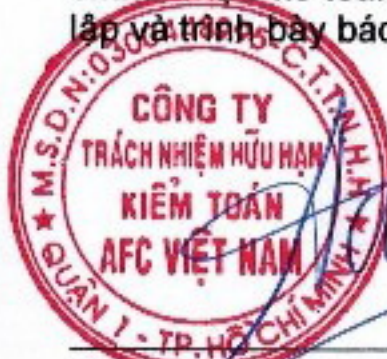
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



TRANG ĐÁC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2017

LÊ THANH VŨ
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2734-2013-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ

Km 14 Quốc lộ 91, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2017	01/01/2017
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		120.750.303.459	111.274.827.508
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	45.324.319.909	38.617.759.485
Tiền	111		6.324.319.909	3.517.759.485
Các khoản tương đương tiền	112		39.000.000.000	35.100.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	2.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	2.000.000.000	2.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.479.777.490	35.151.572.334
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	35.453.190.824	35.475.719.694
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.423.984.000	283.156.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1.222.069.861	1.012.163.835
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.619.467.195)	(1.619.467.195)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.7	36.530.716.239	35.225.963.291
Hàng tồn kho	141		44.030.716.239	39.925.963.291
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.500.000.000)	(4.700.000.000)
Tài sản ngắn hạn khác	150		415.489.821	279.532.398
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		77.074.083	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		338.415.738	277.122.029
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	-	2.410.369
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.075.094.368	17.024.504.260
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		13.252.918.072	12.923.475.346
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	12.920.212.364	12.546.632.120
- Nguyên giá	222		44.471.786.681	43.201.790.317
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.551.574.317)	(30.655.158.197)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	332.705.708	376.843.226
- Nguyên giá	228		924.913.300	924.913.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(592.207.592)	(548.070.074)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		3.822.176.296	4.101.028.914
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	3.822.176.296	4.101.028.914
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		137.825.397.827	128.299.331.768

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ

Km 14 Quốc lộ 91, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

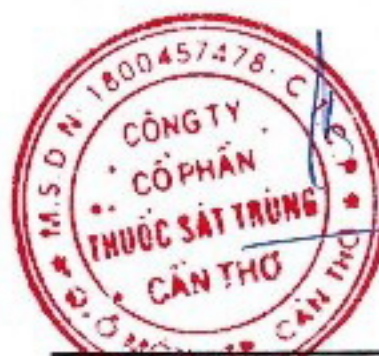
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2017	01/01/2017
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		58.482.042.058	46.585.903.096
Nợ ngắn hạn	310		57.858.313.517	45.962.174.555
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	3.938.557.357	2.652.036.524
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		21.338.803	705.956.840
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	5.12	439.524.075	124.490.388
Phải trả người lao động	314		7.035.166.100	3.869.945.800
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	879.419.016	870.335.550
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.650.000.000	650.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14.1	1.032.271.646	796.517.128
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	39.740.000.000	35.025.483.805
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.16	2.122.036.520	1.267.408.520
Nợ dài hạn	330		623.728.541	623.728.541
Phải trả dài hạn khác	337	5.14.2	580.000.000	580.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		43.728.541	43.728.541
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		79.343.355.769	81.713.428.672
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	79.343.355.769	81.713.428.672
Vốn góp của chủ sở hữu	411		43.030.500.000	43.030.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		43.030.500.000	43.030.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		8.291.518.300	8.291.518.300
Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.261.176.032	12.261.176.032
Cổ phiếu quỹ	415		(4.000.872.355)	(4.000.872.355)
Quỹ đầu tư phát triển	418		7.403.050.000	6.303.050.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.357.983.792	15.828.056.695
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.059.564.161	4.048.329.162
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.298.419.631	11.779.727.533
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		137.825.397.827	128.299.331.768



NGUYỄN DUY LINH
Người lập biểu



QUÁCH THỊ THÚY
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN TRUNG
Tổng Giám đốc

TP. Cần Thơ, ngày 11 tháng 8 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ

Km 14 Quốc lộ 91, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1.1	139.019.081.149	96.809.504.126
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10		139.019.081.149	96.809.504.126
Giá vốn hàng bán	11	6.2	110.972.135.660	76.346.545.248
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		28.046.945.489	20.462.958.878
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.090.227.273	3.475.746.406
Chi phí tài chính	22	6.4	978.038.790	3.405.960.285
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		752.334.185	419.595.823
Chi phí bán hàng	25	6.5	7.343.613.158	4.064.972.074
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	9.957.361.255	7.905.680.983
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.858.159.559	8.562.091.942
Thu nhập khác	31	6.7	24.203.595	134.488.759
Chi phí khác	32	6.8	407.474.691	295.059.746
Lợi nhuận khác	40		(383.271.096)	(160.570.987)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.474.888.463	8.401.520.955
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.12	2.176.468.832	1.734.611.137
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.298.419.631	6.666.909.818
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	2.033	1.633



NGUYỄN DUY LINH
Người lập biểu



QUÁCH THỊ THÚY
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN TRUNG
Tổng Giám đốc

TP. Cần Thơ, ngày 11 tháng 8 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ

Km 14 Quốc lộ 91, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01		147.431.772.757	99.442.443.420
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(111.856.299.705)	(68.756.184.580)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(14.799.639.463)	(10.316.575.947)
Tiền lãi vay đã trả	04		(752.334.185)	(419.595.823)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.929.539.700)	(1.800.675.162)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		906.456.851	2.895.422.442
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(7.479.773.540)	(9.076.137.330)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.520.643.015	11.968.697.020
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.144.416.364)	(1.451.148.182)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	200.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.028.116.325	428.643.505
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.116.300.039)	(2.822.504.677)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		64.216.430.300	45.133.533.373
Tiền trả nợ gốc vay	34		(59.824.658.800)	(43.574.605.793)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.151.665.000)	(8.140.430.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.759.893.500)	(6.581.502.420)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		6.644.449.476	2.564.689.923
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		38.617.759.485	30.791.264.363
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		62.110.948	(6.286)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	45.324.319.909	33.355.948.000



NGUYỄN DUY LINH
Người lập biểu



QUÁCH THỊ THÚY
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN TRUNG
Tổng Giám đốc

TP. Cần Thơ, ngày 11 tháng 8 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ
Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ là công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 43.030.500.000 VND, cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là CPC, ngày giao dịch đầu tiên là ngày 18 tháng 1 năm 2010.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học và hóa chất các loại.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ tại số 10B, đường 2004 Sangkat Kakab Khan Posenchey, thủ đô Phnom Penh, Campuchia.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 197 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 194 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

044
ĐƠN
NHỊ
M
VIỆ
TP.1

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng VCB - Chi nhánh Cần Thơ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng VCB - Chi nhánh Cần Thơ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Riêng tiền thuê 3.686,5 m² đất khu công nghiệp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 597041 ngày 16 tháng 8 năm 2016, Công ty phân bổ theo kế hoạch như sau: năm 2016 và 2017 là 500.000.000 VND, năm 2018 là 407.824.100 VND.

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ảnh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và tài, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc
Máy móc, thiết bị

06 – 18 năm
06 – 18 năm

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn
Thiết bị dụng cụ quản lý

08 – 16 năm
06 năm

4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Bản quyền, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.13 Tiền lương

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã trích quỹ tiền lương là 13,75% doanh thu thực hiện.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

0044
CÔNG
NHIỆ
EM
VIỆ
TP.H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty và đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty và đối tượng

Quan hệ

Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Thanh Sơn Hóa Nông Cổ đông lớn
Thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Thành viên chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
 Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	145.039.653	72.278.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	6.098.772.665	3.365.369.857
- USD	80.507.591	80.111.628
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng - VND	39.000.000.000	35.100.000.000
	45.324.319.909	38.617.759.485

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	3.500,32	80.507.591

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đây là khoản tiền gửi kỳ hạn 9 tháng, lãi suất 3,5%/năm tại Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC Việt Nam – chi nhánh Cần Thơ.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Thanh Sơn Hóa Nông	297.682.350	212.632.350
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty TNHH Thương Mại - Dịch Vụ Hằng Duy	722.588.326	4.433.165.246
Công ty TNHH Quốc Tế Nông Nghiệp Vàng - Long An	4.774.957.713	-
Đại lý Vật tư Nông nghiệp Phạm Trường Giang	4.666.214.246	4.800.869.511
Các khách hàng khác	24.991.748.189	26.029.052.587
	35.453.190.824	35.475.719.694

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán khác		
Công ty TNHH Sản Xuất & Thương Mại Nam Long Phát	159.500.000	-
Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Khai Tâm	220.000.000	-
Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường & Dịch Vụ Tư Vấn Đầu Tư	373.920.000	-
Doanh Nghiệp Tư Nhân Cơ Khí Thanh Nhả	242.000.000	121.000.000
Công ty TNHH Sản Xuất – Thương Mại – Dịch Vụ Chế Tạo Máy Ngọc Thành	116.500.000	116.500.000
Các nhà cung cấp khác	312.064.000	45.656.000
	1.423.984.000	283.156.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
 Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu tiền bán hàng từ nhân viên đã nghỉ việc	170.357.639	(170.357.639)	170.357.639	(170.357.639)
Phải thu tiền tạm ứng công tác phí	985.712.222	-	775.806.196	-
Phải thu tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ứng trước	66.000.000	-	66.000.000	-
	1.222.069.861	(170.357.639)	1.012.163.835	(170.357.639)

5.6 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn VND	30/06/2017		Thời gian quá hạn VND	01/01/2017	
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các tổ chức và cá nhân khác						
Phải thu tiền bán hàng						
Đại lý vật tư nông nghiệp Trần Xuân Mai	Từ 3 năm trở lên	225.160.111	-	Từ 3 năm trở lên	225.160.111	-
Đại lý vật tư nông nghiệp Võ Thị Tuyết Hồng	Từ 3 năm trở lên	31.200.120	-	Từ 3 năm trở lên	31.200.120	-
Đại lý vật tư nông nghiệp Tích Tháo	Từ 3 năm trở lên	1.000.000.000	-	Từ 3 năm trở lên	1.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Trần Gia Phát	Từ 1 đến dưới 2 năm	96.779.227	29.033.768	Từ 2 đến dưới 3 năm	96.779.227	29.033.768
Các khách hàng khác	Từ 1 tháng đến dưới 2 năm	28.346.220	19.842.354	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	28.346.220	19.842.354
Phải thu tiền đã ứng trước để mua hàng						
Công ty TNHH Sản Xuất – Thương Mại – Dịch Vụ CTM Ngọc Thành	Từ 3 năm trở lên	116.500.000	-	Từ 3 năm trở lên	116.500.000	-
Phải thu khác						
Ông Lê Chí Thanh		170.357.639	-		170.357.639	-
		1.668.343.317	48.876.122		1.668.343.317	48.876.122

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn VND	Nợ phải thu dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	(1.619.467.195)	-	(1.619.467.195)
Trích lập dự phòng	-	-	-
Tại ngày 30/06/2017	(1.619.467.195)	-	(1.619.467.195)

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ
 Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	35.247.916.413	(5.140.000.000)	32.798.581.131	(3.770.000.000)
Thành phẩm	8.782.799.826	(2.360.000.000)	7.127.382.160	(930.000.000)
	44.030.716.239	(7.500.000.000)	39.925.963.291	(4.700.000.000)

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, không có khả năng tiêu thụ như sau:

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.140.000.000	3.770.000.000
Thành phẩm	2.360.000.000	930.000.000
	7.500.000.000	4.700.000.000

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2017 VND	2016 VND
Tại ngày 01/01	(4.700.000.000)	-
Trích lập dự phòng	(3.270.000.000)	(1.900.000.000)
Hoàn nhập dự phòng	470.000.000	-
Tại ngày 30/06	(7.500.000.000)	(1.900.000.000)

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2017	18.517.391.499	12.820.679.747	11.691.751.044	171.968.027	43.201.790.317
Mua trong kỳ	-	-	1.269.996.364	-	1.269.996.364
Tại ngày 30/06/2017	18.517.391.499	12.820.679.747	12.961.747.408	171.968.027	44.471.786.681
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2017	15.144.536.863	9.392.801.856	5.965.336.292	152.483.186	30.655.158.197
Khấu hao trong kỳ	307.747.422	174.852.164	412.577.264	1.239.270	896.416.120
Tại ngày 30/06/2017	15.452.284.285	9.567.654.020	6.377.913.556	153.722.456	31.551.574.317
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2017	3.372.854.636	3.427.877.891	5.726.414.752	19.484.841	12.546.632.120
Tại ngày 30/06/2017	3.065.107.214	3.253.025.727	6.583.833.852	18.245.571	12.920.212.364

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2017	12.553.816.950	6.641.084.087	2.615.631.733	139.695.300	21.950.228.070
Tại ngày 30/06/2017	12.553.816.950	6.933.440.205	2.615.631.733	139.695.300	22.242.584.188

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.667.298.830 VND đã được thế chấp, cầm cố để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (31/12/2016 là 1.948.895.697 VND).

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2017	200.000.000	724.913.300	924.913.300
Tăng trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2017	200.000.000	724.913.300	924.913.300
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2017	200.000.000	348.070.074	548.070.074
Khấu hao trong kỳ	-	44.137.518	44.137.518
Tại ngày 30/06/2017	200.000.000	392.207.592	592.207.592
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2017	-	376.843.226	376.843.226
Tại ngày 30/06/2017	-	332.705.708	332.705.708
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
Tại ngày 01/01/2017	200.000.000	145.680.800	345.680.800
Tại ngày 30/06/2017	200.000.000	145.680.800	345.680.800

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	483.617.147	667.323.057
Tiền thuê đất khu công nghiệp	3.045.661.013	3.350.405.538
Chi phí trả trước dài hạn khác	292.898.136	83.300.319
	3.822.176.296	4.101.028.914

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Bao Bì Tín Thành	421.269.200	393.951.140
Công ty TNHH Sản Xuất- Thương Mại Nhựa Cường Phát	962.537.154	561.062.480
Công ty TNHH MTV Xuất Nhập Khẩu Hồng Tú	570.000.000	440.000.000
Công ty TNHH Công Thương Hoa Mai	359.978.190	231.502.700
Chi Nhánh Công ty TNHH 2TV Hải Sản 404- Xí Nghiệp Sản Xuất Bao Bì	262.304.900	188.863.620
Các nhà cung cấp khác	1.362.467.913	836.656.584
	3.938.557.357	2.652.036.524

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
 Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5.12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2017		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2017	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	-	431.194.381	(414.883.472)	16.310.909	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	3.662.830.983	(3.662.830.983)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	191.694.756	(191.694.756)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	123.137.388	-	2.176.468.832	(1.929.539.700)	370.066.520	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.353.000	-	817.290.935	(792.255.717)	26.388.218	-
Thuế nhà đất	-	-	17.925.187	(17.925.187)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	229.517.120	(229.517.120)	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	(2.410.369)	29.168.797	-	26.758.428	-
	124.490.388	(2.410.369)	7.556.680.622	(7.241.646.936)	439.524.076	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 5% và 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thu nhập từ các hoạt động phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.474.888.463	8.401.520.955
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	407.455.696	234.780.630
Các khoản điều chỉnh giảm	(470.000.000)	-
Thu nhập tính thuế	10.412.344.159	8.636.301.585
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.082.468.832	1.727.260.317
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	94.000.000	7.350.820
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.176.468.832	1.734.611.137

Thuế nhà đất, tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
 Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí hỗ trợ bán hàng	597.942.271	491.218.706
Chi phí hoạt động của chi nhánh Campuchia	242.682.461	162.030.418
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	38.794.284	217.086.426
	<u>879.419.016</u>	<u>870.335.550</u>

5.14 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.14.1 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	118.906.610	58.906.320
Phải trả thuế thu nhập cá nhân tạm khấu trừ	838.362.522	688.017.769
Chiết khấu phải trả	-	29.438.363
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	75.002.514	20.154.676
	<u>1.032.271.646</u>	<u>796.517.128</u>

5.14.2 Phải trả dài hạn khác

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, phải trả dài hạn khác là khoản nhận ký quỹ ký cược dài hạn với số tiền là 580.000.000 VND.

5.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Vay ngân hàng VIETCOMBANK - chi nhánh Cần Thơ	11.770.000.000	11.770.000.000	20.150.849.630	20.150.849.630
Vay ngắn hạn ngân hàng HSBC VN - chi nhánh Cần Thơ	27.970.000.000	27.970.000.000	14.874.634.175	14.874.634.175
	<u>39.740.000.000</u>	<u>39.740.000.000</u>	<u>35.025.483.805</u>	<u>35.025.483.805</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
 Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	01/01/2017	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	30/06/2017
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	35.025.483.805	64.539.174.995	(59.824.658.800)	39.740.000.000

Các khoản vay ngân hàng có lãi suất từ 5,5%/năm đến 6,0%/năm và được đảm bảo bằng giá trị tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 5.8).

5.16 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	01/01/2017	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	30/06/2017
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.267.408.520	1.100.000.000	(245.372.000)	2.122.036.520

0044
 CÔNG
 H NHIỆ
 :ÊM
 : VIỆ
 TP.H

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CÁN THƠ
 Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5.17 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH VND	Thặng dư vốn có phần VND	Vốn khác của CSH VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	43.030.500.000	8.291.518.300	12.261.176.032	(4.000.872.355)	5.303.050.000	15.430.308.450	80.315.680.427
Lãi 6 tháng đầu năm 2016	-	-	-	-	-	6.666.909.818	6.666.909.818
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(8.140.430.000)	(8.140.430.000)
Chi thù lao, thưởng Hội đồng quản trị, BKS	-	-	-	-	-	(1.219.079.288)	(1.219.079.288)
Tại ngày 30/06/2016	43.030.500.000	8.291.518.300	12.261.176.032	(4.000.872.355)	6.303.050.000	10.737.708.980	76.623.080.957
Lãi 6 tháng cuối năm 2016	-	-	-	-	-	5.112.817.715	5.112.817.715
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(22.470.000)	(22.470.000)
Chi nộp thuế thu nhập đầu tư vốn	-	-	-	-	-	(494.169.400)	(494.169.400)
Tại ngày 31/12/2016	43.030.500.000	8.291.518.300	12.261.176.032	(4.000.872.355)	6.303.050.000	15.828.056.695	81.713.428.672
Tại ngày 01/01/2017	43.030.500.000	8.291.518.300	12.261.176.032	(4.000.872.355)	5.303.050.000	15.430.308.450	80.315.680.427
Lãi 6 tháng đầu năm 2017	-	-	-	-	-	8.298.419.631	8.298.419.631
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.100.000.000	(1.100.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.100.000.000)	(1.100.000.000)
Chi thù lao, thưởng hội đồng quản trị, BKS	-	-	-	-	-	(1.416.827.534)	(1.416.827.534)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(8.151.665.000)	(8.151.665.000)
Tại ngày 30/06/2017	43.030.500.000	8.291.518.300	12.261.176.032	(4.000.872.355)	7.403.050.000	12.367.983.792	79.343.356.769

Chi tiết phân phối lợi nhuận xem tại thuyết minh 5.17.4.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
 Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5.17.2 Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu

	30/06/2017		01/01/2017	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Thương Mại – Dịch Vụ Thanh Sơn Hóa Nông	8.752.200.000	20,34	8.752.200.000	20,34
AFC VF Limited	4.279.000.000	9,94	2.592.000.000	6,02
Ông Võ Viết Thanh	3.605.430.000	8,38	3.605.430.000	8,38
Ông Cao Anh Dũng	2.165.440.000	5,03	2.165.440.000	5,03
Cổ phiếu quỹ	2.216.000.000	5,15	2.216.000.000	5,15
Các cổ đông khác	22.012.430.000	5,16	23.699.430.000	55,08
	43.030.500.000	100,00	43.030.500.000	100,00

5.17.3 Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	4.303.050	4.303.050
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	4.303.050	4.303.050
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	221.600	221.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	4.081.450	4.081.450
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

5.17.4 Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2017, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017.NQ.ĐHĐCĐ.CPC ngày 18 tháng 4 năm 2017 như sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chia cổ tức cho các cổ đông	8.151.665.000
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	1.100.000.000
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.100.000.000
Khen thưởng ban quản lý điều hành	587.013.903
Khen thưởng hội đồng quản trị, ban kiểm soát	594.219.080
Chi thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	235.594.551

5.18 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	30/06/2017	01/01/2017
Dollar Mỹ (USD)	3.500,32	3.526,04

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
 Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu

6.1.1 Tổng doanh thu

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Doanh thu bán thành phẩm	133.516.411.857	92.856.734.869
Doanh thu gia công	3.570.767.692	2.735.461.232
Doanh thu khác	1.931.901.600	1.217.308.025
	139.019.081.149	96.809.504.126

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Công ty TNHH Thương Mại – Dịch Vụ Thanh Sơn Hóa Nông	1.977.559.762	1.314.661.790

6.2 Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Giá vốn thành phẩm	103.479.992.375	70.437.380.412
Giá vốn gia công	3.166.759.403	2.885.835.418
Giá vốn khác	1.525.383.882	1.123.329.418
Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.800.000.000	1.900.000.000
	110.972.135.660	76.346.545.248

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Lãi tiền gửi	1.028.116.325	428.643.505
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	2.160.538.267
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	62.110.948	886.564.634
	1.090.227.273	3.475.746.406

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
 Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

6.4 Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	752.334.185	419.595.823
Lỗ chênh lệch tỷ giá	225.704.605	2.986.364.462
	<u>978.038.790</u>	<u>3.405.960.285</u>

6.5 Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	4.065.253.600	1.873.866.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	391.317.068	294.306.201
Chi phí bán hàng khác	2.887.042.490	1.896.799.573
	<u>7.343.613.158</u>	<u>4.064.972.074</u>

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.721.350.100	5.748.146.160
Chi phí khấu hao tài sản cố định	85.793.556	85.793.466
Chi phí quản lý khác	2.150.217.599	2.071.741.357
	<u>9.957.361.255</u>	<u>7.905.680.983</u>

6.7 Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	200.000.000
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	(130.056.800)
Thu nhập khác	24.203.595	64.545.559
	<u>24.203.595</u>	<u>134.488.759</u>

6.8 Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Các khoản chi phí thuế	387.455.696	234.780.630
Chi phí khác	20.018.995	60.279.116
	<u>407.474.691</u>	<u>295.059.746</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
 Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.298.419.631	6.666.909.818
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.298.419.631	6.666.909.818
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	4.081.450	4.081.450
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.033	1.633

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu vật liệu	96.803.185.498	63.839.076.653
Chi phí nhân công	18.437.565.136	12.404.078.687
Chi phí khấu hao tài sản cố định	940.553.638	809.655.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.065.090.374	3.259.213.096
Chi phí bằng tiền khác	4.617.245.869	2.748.352.652
	123.863.640.515	83.060.376.414

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

7.1 Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2017, Công ty đã trả trước tiền mua tài sản cố định trị giá 874.420.000 VND.

7.2 Tiền thu từ đi vay

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	64.539.174.995	45.133.533.373

7.3 Tiền trả nợ gốc vay

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	59.824.658.800	43.574.605.793

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các nợ vay, các khoản phải trả người bán và các

khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
 Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	VND Tổng cộng
Ngày 30 tháng 6 năm 2017			
Các khoản vay và nợ	39.740.000.000	-	39.740.000.000
Phải trả người bán	3.938.557.357	-	3.938.557.357
Phải trả khác và chi phí phải trả	1.792.784.052	580.000.000	2.372.784.052
	45.471.341.409	580.000.000	46.051.341.409
Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Các khoản vay và nợ	35.025.483.805	-	35.025.483.805
Phải trả người bán	2.652.036.524	-	2.652.036.524
Phải trả khác và chi phí phải trả	1.607.946.358	580.000.000	2.187.946.358
	39.285.466.687	580.000.000	39.865.466.687

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố phương tiện vận tải của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.8).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 30/06/2017 và 31/12/2016.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Các khoản cho vay và phải thu				
Phải thu khách hàng	34.120.581.268	34.143.110.138	34.120.581.268	34.143.110.138
Các khoản phải thu khác	1.051.712.222	841.806.196	1.051.712.222	841.806.196
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.324.319.909	38.617.759.485	45.324.319.909	38.617.759.485
Tổng cộng	82.496.613.399	76.602.675.819	82.496.613.399	76.602.675.819

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Vay và nợ	39.740.000.000	35.025.483.805	39.740.000.000	35.025.483.805
Phải trả người bán	3.938.557.357	2.652.036.524	3.938.557.357	2.652.036.524
Phải trả khác và chi phí phải trả	2.372.784.052	2.187.946.358	2.372.784.052	2.187.946.358
Tổng cộng	46.051.341.409	39.865.466.687	46.051.341.409	39.865.466.687

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Tiền lương, thưởng	2.054.236.071	1.552.590.577
Các khoản thù lao	227.349.357	198.640.425
	2.281.585.428	1.751.231.002

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
 Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Giao dịch với các bên liên quan khác

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Thanh Sơn Hóa Nông–Gia công	1.977.559.762	1.314.661.790
Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Thanh Sơn Hóa Nông–Phải trả cổ tức	433.088.000	1.750.440.000
Ông Nguyễn Văn Trung – Thuê nhà	60.000.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng gia công.

Cam kết bảo lãnh

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty không có cam kết bảo lãnh nghĩa vụ tài chính cho các bên liên quan khác.

9.2 Thông tin về bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo qui định của chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.



NGUYỄN DUY LINH
 Người lập biểu



QUÁCH THỊ THÚY
 Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN TRUNG
 Tổng Giám đốc

TP. Cần Thơ, ngày 11 tháng 8 năm 2017